

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2019/DS-ST
Ngày: 28-11-2019
V/v: Tranh chấp hợp
đồng dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tăng Thị Nhật Minh.

2. Ông Hoàng Xuân Ty.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: ông Trần Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019, về tranh chấp "hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn L, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số nhà 105/34 đường Phan Chu T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1990;

và chị Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh năm 1997;

Cùng trú địa chỉ: Số nhà 133 đường Phan Chu T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa Ông L có mặt; anh T và Chị T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Văn L trình bày:

Do quen biết với vợ chồng anh Nguyễn Đức T, chị Nguyễn Hoàng Bảo T nên ông có cho vợ chồng anh T và Chị T vay tiền nhiều lần cụ thể: Từ tháng 8/2017 cho đến tháng 9/2018 ông cho vợ chồng anh T, Chị T vay tiền nhiều lần (không

nhớ cụ thể ngày tháng từng lần vay), lần vay nhiều nhất 70.000.000đ, lần vay ít nhất 30.000.000đ, tất cả những lần vay này đều không viết giấy tờ, lãi suất hai bên thỏa thuận 1%/tháng, có lần lên 6%/tháng. Vay không có kỳ hạn, khi nào ông cần thì vợ chồng anh T Chị T sẽ trả. Sau đó ông đòi nhiều lần vợ chồng anh T Chị T xin khất nợ và đến ngày 03/9/2018 anh T, Chị T đã viết giấy mượn nợ xác nhận còn nợ tổng những lần vay trên là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Đến ngày 09/10/2018 ông cho vợ chồng Chị T và anh T vay thêm số tiền 130.000.000đ, lãi suất 1.800đ/01 ngày/1.000.000đ (lãi suất 5,4%/tháng), khi vay Chị T và anh T có viết giấy vay và đưa cho ông giữ 02 chiếc xe máy để làm tin gồm: 01 chiếc xe HONDA, số loại AIRBLADE, biển số đăng ký 49K1-227.45 tên chủ xe Nguyễn Hoàng Bảo T và 01 chiếc xe HONDA, số loại SH150 biển số đăng ký 49K1-557.40 tên chủ xe Nguyễn Đức T.

Đến cuối tháng 02/2019, Chị T và anh T vay thêm số tiền 70.000.000đ, lãi suất 2.000đ/01 ngày/1.000.000đ (lãi suất 6%/tháng), lần vay này không ghi giấy tờ, Chị T anh T có đưa cho ông giữ làm tin 04 tượng bằng gỗ gồm: 01 tượng gỗ hương hình dáng 02 con công, chiều cao 78cm; 01 tượng gỗ hương hình dáng 01 con cọp đứng trên tảng đá, chiều cao 65cm; 01 tượng gỗ hương hình dáng 02 con gà đứng trên tảng đá, chiều cao 88cm và 01 tượng gỗ Pomu hình dáng cây Bonsai, chiều cao 55cm. Tổng số tiền vay gốc anh T, Chị T đã vay của ông nhiều lần là 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Quá trình vay mượn vợ chồng anh T Chị T mới trả cho ông được khoảng 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) tiền lãi nhưng do anh T, Chị T trả làm nhiều lần nên ông không nhớ cụ thể số tiền trả và thời gian trả. Còn tiền vay gốc thì vợ chồng anh T, Chị T chưa trả cho ông đồng nào. Do ông đòi tiền nhiều lần nhưng anh T Chị T không có tiền trả nên đến ngày 21/3/2019 hai bên đối chiếu công nợ, Chị T và anh T đã viết giấy mượn nợ xác nhận tổng số tiền còn nợ ông là 470.000.000đ. Trong giấy mượn nợ ngày 21/3/2019 có nội dung Chị T, anh T đang thế chấp cho ông 02 chiếc xe máy gồm: 01 chiếc xe SH150 biển số 49K1-557.40 và 01 xe AB biển số 49K1-227.45 nhưng sau đó ông đã trả lại cho anh T, Chị T 01 chiếc xe HONDA, số loại SH150, màu sơn đen biển số đăng ký 49K1-557.40 tên chủ xe Nguyễn Đức T. Ông giữ lại 02 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 035197 tên chủ xe Nguyễn Đức T và số 023423 tên chủ xe Nguyễn Hoàng Bảo T (bản chính).

Nay ông yêu cầu anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Hoàng Bảo T trả cho ông số tiền vay gốc còn nợ là 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng) và không yêu cầu trả tiền lãi nữa. Khi anh T, Chị T trả hết số tiền trên thì ông đồng ý trả lại cho Chị T, anh T 01 chiếc xe HONDA, số loại AIRBLADE biển số đăng ký 49K1-227.45 tên chủ xe Nguyễn Hoàng Bảo T và 02 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 035197 và số 023423 (bản chính) cùng 04 tượng gỗ nói trên.

Các lời khai của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Hoàng Bảo T trình bày:

Từ ngày 06/3/2017 đến ngày 02/02/2019, vợ chồng anh chị có vay tiền nhiều lần của ông Phan Văn L, lần vay nhiều nhất là 100.000.000đ, lần vay ít nhất là 20.000.000đ, tổng số tiền vay gốc vợ chồng anh chị vay của ông Phan Văn L tính đến ngày 02/02/2019 là 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Ông L đã đòi nhiều lần nên đến ngày 21/3/2019 anh chị đã chốt nợ và viết giấy mượn nợ xác nhận còn nợ Ông L số tiền 470.000.000đ. Mục đích vợ chồng anh chị vay tiền về để nuôi nhím, nuôi gà, trả nợ và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Khi vay tiền thì có lần viết giấy vay, có lần vay không viết giấy vay. Hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng đến 1,2%/tháng nhưng khi thu tiền lãi hàng tháng thì Ông L tính lãi suất có lần 5,4%/tháng, có lần lãi suất 6%/tháng. Ông L nói phần tiền lãi trả chênh lệch sẽ được trừ dần vào tiền vay gốc. Từ khi vay cho đến tháng 5/2019 thì vợ chồng anh chị đã trả tiền lãi cho Ông L nhiều lần tổng cộng 226.520.000đ (hai trăm hai mươi sáu triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng), trong đó tiền lãi đã trả theo lãi suất thỏa thuận là 47.400.000đ, tiền lãi trả vượt quá lãi suất thỏa thuận được trừ vào tiền gốc là 179.120.000đ. Nay vợ chồng anh chị đề nghị được trừ đi số tiền 226.520.000đ đã trả và chỉ còn nợ lại Ông L 243.480.000đ (hai trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng) tiền vay gốc. Khi trả tiền gốc và tiền lãi do tin tưởng nên vợ chồng anh chị không yêu cầu Ông L viết giấy tờ gì nên cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án. Khi vay tiền của Ông L, vợ chồng anh chị có thể chấp cho Ông L tài sản để làm tin gồm: 01 chiếc xe HONDA, số loại AIRBLADE biển số đăng ký 49K1-227.45 đứng tên chủ xe Nguyễn Hoàng Bảo T; 01 chiếc xe HONDA, số loại SH150 biển số đăng ký 49K1-557.40 đứng tên chủ xe Nguyễn Đức T và 02 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 023428 và số 035197 của 02 chiếc xe nói trên; Ngoài ra, còn giao thêm cho Ông L 04 bức tượng gỗ gồm: 01 tượng gỗ hương hình dáng 02 con công có chiều cao 78cm; 01 tượng gỗ hương hình dáng 01 con cọp cao 65cm; 01 tượng gỗ hương hình dáng 02 con gà cao 88cm; 01 tượng gỗ Pomu hình dáng cây Bonsai cao 55cm. Cả 04 bức tượng đều có hình dáng và kích thước như ảnh chụp do Ông L cung cấp cho Tòa án. Sau đó Ông L đã trả lại cho vợ chồng anh chị 01 chiếc xe HONDA, số loại SH150, màu sơn đen biển số đăng ký 49K1-557.40 đứng tên chủ xe Nguyễn Đức T.

Nay Ông L yêu cầu vợ chồng anh chị trả số tiền vay gốc 470.000.000đ thì vợ chồng anh chị đề nghị được trừ số tiền 226.520.000đ anh chị đã trả vào tiền gốc và chỉ đồng ý trả cho Ông L số tiền gốc còn nợ lại là 243.480.000đ (hai trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng). Vợ chồng anh chị yêu cầu Ông L trả lại cho vợ chồng anh chị 01 chiếc xe HONDA, số loại AIRBLADE biển số đăng ký 49K1-227.45 đứng tên chủ xe Nguyễn Hoàng Bảo T; 02 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 035197 và số 023428 (bản gốc) và 04 tượng bằng gỗ nói trên (tất cả có ảnh chụp do Ông L đã cung cấp cho Tòa án) .

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Hoàng Bảo T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn

cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự qui định.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn L đối với vợ chồng anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Hoàng Bảo T phải trả số tiền vay gốc 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận. Buộc Ông L phải trả lại cho vợ chồng anh T Chị T 01 chiếc xe HONDA, số loại AIRBLADE biển số đăng ký 49K1-227.45 đứng tên chủ xe Nguyễn Hoàng Bảo T; 02 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 035197 và số 023428 (bản gốc) và 04 tượng bằng gỗ nói trên (có bản ảnh kèm theo). Anh T Chị T phải chịu án phí DSST theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Hoàng Bảo T đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn L yêu cầu anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Hoàng Bảo T trả số tiền vay gốc 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính tiền lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua xem xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là các giấy mượn nợ ngày 03/9/2018; ngày 09/10/2018 và ngày 21/3/2019 có chữ ký của vợ chồng anh T và Chị T thể hiện việc vợ chồng anh T Chị T vay tiền nhiều lần của Ông L và có viết giấy mượn nợ. Phía anh T Chị T cũng thừa nhận tổng số tiền vay gốc vợ chồng anh chị vay của ông Phan Văn L tính đến ngày 02/02/2019 là 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Do Ông L đã đòi nhiều lần nên đến ngày 21/3/2019 vợ chồng anh T Chị T đã chốt nợ và viết giấy mượn nợ xác nhận còn nợ Ông L số tiền vay gốc 470.000.000đ. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định việc vợ chồng anh T, Chị T có vay và còn nợ Ông L số tiền trên là có thật.

Xét lời khai của vợ chồng anh T Chị T cho rằng đã trả cho Ông L số tiền lãi 226.520.000đ (hai trăm hai mươi sáu triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng), trong đó tiền lãi đã trả theo thỏa thuận là 47.400.000đ, tiền lãi trả vượt quá thỏa thuận được trừ vào tiền gốc là 179.120.000đ. Nay vợ chồng anh chị đề nghị trừ số tiền

đã trả này vào số tiền vay gốc và chỉ đồng ý trả 243.480.000đ (hai trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng) tiền vay gốc nhưng anh T Chì T lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Phía Ông L cũng không thừa nhận anh T Chì T đã trả số tiền này. Như vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét đối với khoản tiền này, do đó yêu cầu này của bị đơn không được chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất về các tài sản bị đơn giao cho nguyên đơn đang giữ để làm tin gồm: 01 chiếc xe HONDA số loại AIRBLADE, biển số đăng ký 49K1-227.45 (không kiểm tra được số khung, số máy) đứng tên chủ xe Nguyễn Hoàng Bảo T (theo giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 023423 ngày 26/11/2013); 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 023423 ngày 26/11/2013 tên chủ xe Nguyễn Hoàng Bảo T (bản chính); 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 035197 ngày 27/6/2018 tên chủ xe Nguyễn Đức T (bản chính); 04 tượng bằng gỗ gồm: 01 tượng gỗ hương hình dáng 02 con công cao 78cm; 01 tượng gỗ hương hình dáng con cọp đứng trên tảng đá cao 65cm; 01 tượng gỗ hương hình dáng 02 con gà đứng trên tảng đá cao 88cm; 01 tượng gỗ Pơmu hình dáng cây Bonsai cao 55cm (có hình ảnh do nguyên đơn giao nộp tại Tòa án).

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn L có đủ căn cứ chấp nhận.

[3]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn L. Buộc anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Hoàng Bảo T phải trả cho Ông L số tiền vay gốc 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng).

Khi anh T Chì T trả hết nợ thì Ông L phải trả lại cho vợ chồng anh T Chì T

các tài sản gồm: 01 chiếc xe HONDA số loại AIRBLADE, biển số đăng ký 49K1-227.45 (không kiểm tra được số khung, số máy) đứng tên chủ xe Nguyễn Hoàng Bảo T (giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 023423 ngày 26/11/2013); 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 023423 ngày 26/11/2013 tên chủ xe Nguyễn Hoàng Bảo T (bản chính); 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 035197 ngày 27/6/2018 tên chủ xe Nguyễn Đức T (bản chính); 04 tượng bằng gỗ gồm: 01 tượng gỗ hương hình dáng 02 con công cao 78cm; 01 tượng gỗ hương hình dáng con cọp đứng trên tảng đá cao 65cm; 01 tượng gỗ hương hình dáng 02 con gà đứng trên tảng đá cao 88cm; 01 tượng gỗ Pomu hình dáng cây Bonsai cao 55cm (có hình ảnh kèm theo).

2. Về án phí: Anh T và Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.800.000đ (hai mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng).

Ông Phan Văn L không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả cho Ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.400.000đ (mười một triệu bốn trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005635 ngày 19/8/2019 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố B;
- + T.H.A thành phố B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền